

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẢNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2023/HNGĐ-ST

Ngày 28-9-2023

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Minh Lý

2. Ông Lại Văn Phê

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Sự - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tham gia phiên tòa:
Ông Trần Tấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 187/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 50/2023/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Lê Thị Thu H, sinh năm 1998; địa chỉ: Tổ D, ấp X, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, (*có đơn xin vắng mặt*).

- *Bị đơn:* anh Dư Minh N, sinh năm: 1993; địa chỉ: ấp S, xã Đ, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10-5-2023 và trong quá trình làm việc nguyên đơn chị Lê Thị Thu H trình bày:

- Về hôn nhân: chị và anh Dư Minh N tự nguyện tổ chức lễ cưới vào năm 2018, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại xã Đ, huyện T (nay là thị xã T), tỉnh Tây Ninh. Cưới xong vợ chồng sống chung nhà cha mẹ chồng tại ấp S, xã Đ, thị xã T, Tây Ninh. Vợ chồng sống đến tháng 8 năm 2019 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do sống không phù hợp, anh N không lo làm, ăn mà thường xuyên ăn chơi, rượu chè, còn quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, chị thấy tin nhắn trong điện

thoại của anh N, chị bắt gặp hai người đi hát karaoke với nhau, chị hỏi thì anh N thừa nhận, còn nói ở không được thì đi, nên chị dẫn con bỏ về nhà cha mẹ ruột ở, vợ chồng sống ly thân từ tháng 7-2020, nhưng vợ chồng không còn quan hệ tình cảm với nhau từ tháng 8 năm 2019. Thời gian ly thân vợ chồng không gặp nhau bàn việc đoàn tụ lại, cha mẹ chị có đến nhà cha mẹ chồng để nói chuyện hàn gắn cho vợ chồng ở lại, nhưng anh N không đồng ý. Do cuộc sống không hạnh phúc, vợ chồng cũng không ở lại được nữa, nên chị xin ly hôn với anh N.

- Về con chung: có 01 cháu Dư Lê Gia B, sinh ngày 28-9-2018 hiện chị đang nuôi, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra không yêu cầu gì khác. Ngày 05-9-2023 chị có đơn xin vắng mặt do bận đi làm.

Bị đơn anh Dư Minh N đã được Toà án triệu tập để thu thập chứng cứ, nhưng anh không đến, cũng không cung cấp lời khai, ý kiến của mình cho Toà án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Chị H có đơn xin vắng có lý do; anh N vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên đề nghị xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Thu H đối với anh Dư Minh N; về con chung: giao cháu Dư Lê Gia B, sinh ngày 28-9-2018 cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: không có, nên không giải quyết; về nợ chung: không có không giải quyết. Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* chị H có đơn xin vắng có lý do; anh N vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên đưa ra xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân:* chị H và anh N tự nguyện tổ chức lễ cưới vào năm 2018, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và không còn quan hệ tình cảm với nhau từ tháng 7 năm 2020.

[2.1] Xét thấy, do anh chị sống không phù hợp, bất đồng quan điểm, không tin tưởng nhau về tình cảm và tiền bạc. Chị H cho rằng từ tháng 8 năm 2019 anh

N không lo làm ăn mà thường xuyên ăn chơi, rượu chè, còn quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, chị thấy tin nhắn trong điện thoại, đi hát karaoke với nhau, chị hỏi thì anh N thừa nhận, còn nói ở không được thì đi, nên chị dẫn con bỏ đi, vợ chồng sống ly thân từ tháng 7-2020, nhưng vợ chồng không còn quan hệ tình cảm với nhau từ tháng 8 năm 2019. Thời gian ly thân anh N không nói đến chị, cha mẹ chị có đến nhà anh N để nói chuyện, nhưng anh N không đồng ý đoàn tụ lại, nên chị xin ly hôn. Toà án đã triệu tập anh N nhiều lần để thu thập chứng cứ, hoà giải nhưng anh không đến, cũng không cung cấp lời khai. Chứng tỏ anh N không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, mà để cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt.

[2.2] Qua xác minh bà Nguyễn Thị H1 thì: bà là mẹ ruột của Dư Minh N, anh N có hộ khẩu và đang sống chung nhà với bà, vợ chồng Hồng N1 cưới nhau sống chung với gia đình bà, năm 2019 vợ chồng Hồng N1 có lời qua tiếng lại cãi vã nhau, do N1 có dẫn bạn về nhà ăn nhậu, H đá đổ đồ ăn, N1 có mời má vợ lên nói chuyện, sau đó H theo mẹ đi về bên cha mẹ ruột sống đến nay, vợ chồng ly thân từ năm 2019. Hồng Nghĩa có 01 con chung là cháu Dư Lê Gia B, sinh ngày 28-9-2018 hiện H đang nuôi, Hồng N1 không có tài sản và cũng không nợ ai. Toà án có gửi các văn bản thì bà có giao lại cho N1 đầy đủ, nhưng do bận đi làm nên N1 không đến Toà án được. Theo bà biết thì N1 cũng đồng ý ly hôn với H, con chung N1 cũng đồng ý giao cho H nuôi, tài sản và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

[2.3] Chứng tỏ mâu thuẫn của anh chị đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, anh chị đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2020 nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh Nghĩa là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: anh chị thống nhất có 01 cháu Dư Lê Gia B, sinh ngày 28-9-2018 hiện H đang nuôi, chị H yêu cầu được quyền nuôi con, không yêu cầu anh N1 cấp dưỡng. Anh N1 không có ý kiến. Xét thấy, cháu Gia B còn nhỏ, chị H đã nuôi cháu ổn định, cháu phát triển bình thường. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, nghĩ nên giao cháu Gia B cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] *Về tài sản chung*: chị H không yêu cầu; anh N1 không có ý kiến, nên không giải quyết.

[5] *Về nợ chung*: chị H khai không có, không yêu cầu; anh N1 không có ý kiến, nên không giải quyết.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tại phiên toà là có căn cứ chấp nhận.

[7] *Về án phí*: chị H chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 273, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Thu H đối với anh Dư Minh N. Chị H được ly hôn với anh N.

2. *Về con chung*: giao cháu Dư Lê Gia B, sinh ngày 28-9-2018 cho chị Lê Thị Thu H được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung*: chị H không yêu cầu; anh N không có ý kiến, nên không giải quyết.

4. *Về nợ chung*: chị H khai không có, không yêu cầu; anh N không có ý kiến, nên không giải quyết.

5. *Về án phí*: chị Lê Thị Thu H chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0027370 ngày 05-7-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng. Chị H nộp đủ tiền án phí.

Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND P. Gia Huỳnh, TX Trảng Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị An